

MÔN TIẾNG VIỆT

A. ĐỌC

I. Đọc thành tiếng

- HS đọc 1 bài ngoài SGK và trả lời 1 – 2 câu hỏi.
- *Yêu cầu cần đạt: Đọc trơn, đúng tiếng, từ, cụm từ, câu; ngắt nghỉ hơi đúng ở dấu câu; trả lời đúng ý câu hỏi.*

II. Đọc hiểu

1. Đọc và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài đọc
2. Mở rộng vốn từ về thiên nhiên, Bác Hồ, quê hương
3. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm hoặc gạch dưới (Khi nào?; Để làm gì?; Ở đâu?)
 - *Lưu ý: Viết câu hỏi rõ ràng, đầu câu viết hoa, cuối câu đặt dấu chấm hỏi phù hợp.*
4. Dấu câu (dấu chấm; dấu chấm hỏi; dấu chấm than; dấu phẩy)
5. Xác định từ loại (sự vật, đặc điểm, hoạt động)
6. Đặt câu theo yêu cầu (Ai làm gì?; Ai là gì?; Ai thế nào?)

B. VIẾT

1. Nghe – viết : Bài ngoài SGK (Viết 53 – 55 chữ /15 phút)
2. Viết sáng tạo (Viết đoạn văn 4 – 5 câu về tình cảm với người thân/ người em yêu quý; Thuật lại 1 việc mà em đã từng tham gia)
 - *Lưu ý: Diễn đạt đầy đủ câu trọn vẹn. Dùng từ đúng ngữ cảnh. Dùng dấu câu đúng. Trình bày đúng bố cục đoạn văn, không viết như đang trả lời câu hỏi. Viết ý một câu trọn vẹn. Dùng từ sáng tạo.*

MÔN TOÁN

1. Đọc - viết số trong phạm vi 1000
2. Số liền trước, số liền sau
3. Tìm thành phần chưa biết (Nhằm tìm số tròn trăm, tròn chục) trong phạm vi 1000

4. Đặt tính rồi tính cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 1000
 - *Lưu ý: Đặt tính thẳng cột, thẳng hàng. Tính hàng đơn vị trước. Thuộc bảng cộng, bảng trừ.*
5. So sánh trong phạm vi 1000
6. Giải toán liên quan đến phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia.
 - *Lưu ý: Đọc kĩ đề bài, chú ý chọn đúng phép tính, kết quả chính xác, tên đơn vị phù hợp.*
7. Khối trụ, khối cầu, khối hộp chữ nhật, khối lập phương
8. Ngày, giờ
9. Thực hiện các phép tính với đơn vị đo khối lượng, đo độ dài
10. Tam giác, chữ nhật, hình vuông, tứ giác (Vẽ hoặc đếm hình)
11. Biểu đồ tranh
12. Đơn vị đo lường (km, m, dm, cm)